

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO ĐẶC THÙ ĐƠN VỊ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: QUẢN LÝ

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình: Cử nhân ngành Quản lý
- Tên đối tác: Trường Đại học Keuka, Hoa Kỳ
- Hình thức đào tạo: Bán phần tại Việt Nam (7 kỳ tại Việt Nam và kỳ thứ 5 tại trường ĐH Keuka)
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh
- Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ)
- Tên văn bằng:
 - Cử nhân Khoa học ngành Quản lý (Bachelor of Science in Management) do Trường Đại học Keuka (Hoa Kỳ) cấp
 - Cử nhân ngành Quản lý (Bachelor in Management) do ĐHQGHN cấp

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu của chương trình đào tạo Cử nhân ngành Quản lý cùng cấp bằng giữa Khoa Quốc tế - ĐHQGHN với Trường Đại học Keuka (Hoa Kỳ) là đào tạo nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của Việt Nam hiện tại và trong tương lai, đồng thời học tập và chuyển giao phương pháp giảng dạy của nước ngoài, nhất là của một nước phát triển như Hoa Kỳ vào Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu đó, chương trình kết hợp kiến thức, kinh nghiệm đào tạo giữa một đơn vị đào tạo có uy tín trong nước, đơn vị am hiểu nhu cầu đặc thù của Việt Nam về ngành đào tạo cũng như các đòi hỏi của thị trường tuyển dụng với một trường đại học uy tín tại Hoa Kỳ, nơi có kinh nghiệm đào tạo ngành Quản lý mang tầm quốc tế.

3. Tuyển sinh:

3.1 Đối tượng tuyển sinh:

+ Người Việt Nam đã tốt nghiệp trung học phổ thông, có đủ sức khỏe để học tập, có tư cách và phẩm chất đạo đức tốt, không ở trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển vào học theo quy định hiện hành.

3.2 Điều kiện tuyển sinh:

- Tốt nghiệp THPT và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Đối với thí sinh có kết quả thi THPT quốc gia: điểm theo tổ hợp các môn (1) Toán, Vật lí, Hóa học (khối A00); (2) Toán, Vật lí, Tiếng Anh (khối A01); (3) Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (khối D01, D03, D06); (4) Toán, Khoa học xã hội, Ngoại ngữ (khối D96, D97, DD0) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN phê duyệt trong từng năm tuyển sinh tương ứng. Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 trở lên hoặc tương đương được quy đổi sang thang điểm 10 để xét tuyển theo tổ hợp.

- Đối với thí sinh có chứng chỉ A-Level còn hiệu lực: có điểm chứng chỉ A-Level của tổ hợp kết quả 3 môn theo các khối thi quy định của ngành đào tạo tương ứng (A00, A01, D01, D03, D06, D96, D97, DD0) đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương đương điểm C, PUM range ≥ 60).

- Đối với thí sinh có chứng chỉ SAT còn hiệu lực: có điểm của tổ hợp kết quả 2 môn Toán, Đọc-Viết kết hợp đạt từ 1100/1600 điểm hoặc 1450/2400 trở lên (còn giá trị sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi). Mã đăng ký của ĐHQGHN với Tổ chức thi SAT (The College Board) là **7853-Vietnam National University-Hanoi**, thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT.

- Đáp ứng các yêu cầu tuyển sinh khác theo yêu cầu của Đại học Quốc gia Hà Nội và Bộ giáo dục và Đào tạo theo từng năm tuyển sinh tương ứng.

- Điều kiện đầu vào về trình độ tiếng Anh:

Sinh viên cần trình độ Tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ B2 theo khung tham chiếu châu Âu hoặc tương đương.

- Đáp ứng điều kiện sức khỏe.

Các yêu cầu tuyển sinh có thể được điều chỉnh phù hợp với quy định hiện hành của ĐHQGHN và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phụ lục 6: Dự thảo Thông báo tuyển sinh chương trình

3.3 Quy mô và phương thức tuyển sinh

- Quy mô tuyển sinh: chỉ tiêu được phân bổ hàng năm theo quy định chung của ĐHQGHN.

- Phương thức tuyển sinh: xét tuyển hồ sơ theo phương án tuyển sinh được ĐHQGHN phê duyệt hàng năm.

- Nguồn tuyển sinh: dự kiến tuyển sinh người học từ các nguồn sau:

+ Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông từ tất cả các trường trung học phổ thông công lập, dân lập, tư thục trên địa bàn cả nước.

+ Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tại các trường trung học quốc tế trên địa bàn cả nước.

+ Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tại các trường trung học ở các nước khác trên thế giới.

Thời gian dự kiến tuyển sinh: tháng 7 hàng năm

Các giải pháp nâng cao chất lượng tuyển sinh:

+ Nâng cao nhận thức, vai trò và trách nhiệm của cán bộ tư vấn tuyển sinh;

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của Khoa Quốc tế và các thông tin liên quan đến chương trình đào tạo;

+ Tăng cường công tác quản lý, đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị máy móc phục vụ việc dạy và học;

+ Thiết lập mối quan hệ giữa nhà trường với các tổ chức, doanh nghiệp nhằm nâng cao uy tín của trường và giúp sinh viên tự tin hơn khi học tập tại trường.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA

2. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đảm bảo đúng yêu cầu của Đại học Quốc gia Hà Nội và trường Đại học Keuka về chuẩn kiến thức, thái độ và kỹ năng nghề nghiệp, trình độ ngoại ngữ và các kỹ năng bổ trợ. Hoàn thành chương trình, sinh viên có khả năng theo học ở bậc học cao hơn hoặc đăng ký những vị trí việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

2.1 Về kiến thức

Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý, nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực Quản lý.

2.1.1 Kiến thức chung

2.1.1.1 Kiến thức về lý luận chính trị

Vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin; Vận dụng được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và vận dụng trong công việc cũng như trong cuộc sống.

2.1.1.2 Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh

- Hiểu được nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào điều kiện tác chiến thông thường.

- Vận dụng những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục, thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện, ngăn ngừa các chấn thương củng cố và tăng cường sức khỏe. Sử dụng các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn đặc thù. Vận dụng những kỹ thuật, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao ngoại khóa cộng đồng.

2.1.2 Kiến thức theo lĩnh vực

- Sử dụng thành thạo và khai thác được các tính năng nâng cao của các phần mềm văn phòng thông dụng, khai thác một số dịch vụ cần thiết trên Internet;

- Vận dụng các kiến thức toán cao cấp trong công việc thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo;

- Xây dựng và phân tích được các bài toán kinh tế đơn giản;

- Sử dụng được các phần mềm thống kê cơ bản để phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế xã hội và áp dụng vào nghiên cứu khoa học.

- Vận dụng các kiến thức liên quan đến lĩnh vực khoa học xã hội – nhân văn vào thực tế cuộc sống;

- Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp; Nghe hiểu các nội dung trao đổi trong các cuộc trao đổi, hội nghị, hội thảo quốc tế.

2.1.3 Kiến thức theo khối ngành

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật để giải quyết được các vấn đề cụ thể nảy sinh trong các hoạt động kinh tế;

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản và nâng cao của kinh tế học vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp và giải thích, đánh giá được các vấn đề kinh tế;

- Vận dụng phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê kinh tế, phục vụ cho công việc;

- Vận dụng phương pháp toán kinh tế để đánh giá và giải quyết các tình huống thực tế, có thể dự báo kinh tế trong tương lai;

- Lựa chọn và vận dụng phương thức quản lý nhóm làm việc hiệu quả;

2.1.4 Kiến thức theo nhóm ngành

- Vận dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành quản trị và kinh tế làm nền tảng lý luận và thực tiễn của ngành khoa học quản lý;

- Hiểu được mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh tế;

- Phân tích, đánh giá các nguyên lý cơ bản và nâng cao của khoa học quản lý để có thể xử lý các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực quản trị, quản lý tổ chức; bước đầu tham gia đề xuất, và thực hiện các kế hoạch: chiến lược, kinh doanh và marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.

2.1.5 Kiến thức ngành

- Vận dụng các kiến thức trong khoa học quản lý vào khởi sự và tạo lập doanh nghiệp, tổ chức cũng như tham gia đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp;

- Có năng lực phân tích, đánh giá các hoạt động kinh doanh; triển khai các ý tưởng khởi nghiệp vào thực tiễn;

- Có năng lực kiểm chứng các kiến thức được học thông qua các chương trình thực tập, thực tiễn tại doanh nghiệp, từ đó tự định hướng được mục tiêu và lộ trình phát triển nghề nghiệp của bản thân.

2.2 Về kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng chuyên môn

2.2.1.1 Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn hoạt động quản lý; bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp;

- Có các kỹ năng quản trị hiệu quả để phân tích và giải quyết các tình huống quản trị thực tiễn.

2.2.1.2 Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Có kỹ năng lập luận, phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản lý.

2.2.1.3 Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Có khả năng giải quyết các vấn đề, khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực khoa học quản lý.

2.2.1.4 Khả năng tư duy theo hệ thống

- Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống các vấn đề thực tiễn của lĩnh vực khoa học quản lý.

2.2.1.5 Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực khoa học quản lý.

2.2.1.6 Hiểu bối cảnh tổ chức

- Có thể nhận thức được bối cảnh tổ chức để áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực khoa học quản lý.

2.2.1.7 Năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn

- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn;

- Có năng lực phân tích yêu cầu, đề xuất giải pháp và thực thi giải pháp.

2.2.1.8 Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Có sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức.

2.2.2 Kỹ năng bổ trợ

2.2.2.1 Các kỹ năng cá nhân

- Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, làm việc có kế hoạch và khoa học; định hướng mục tiêu phát triển của bản thân;

- Có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân hợp lý;

2.2.2.2 Làm việc theo nhóm

- Có khả năng làm việc nhóm và hợp tác tốt với các thành viên nhóm làm việc;

- Biết cách chia sẻ thông tin và điều hoà các mối quan hệ trong nhóm;

- Có kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau.

2.2.2.3 Quản lý và lãnh đạo

- Có một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo như kỹ năng thuyết phục, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng trao quyền.

2.2.2.4 Kỹ năng giao tiếp

- Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng;

- Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và đàm phán trong kinh doanh; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail).

2.2.2.5 Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Có kỹ năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.2.2.6 Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành

- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành trong trao đổi, làm việc, giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc.

2.2.2.7 Các kỹ năng bổ trợ khác

- Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh doanh;

- Có thể sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng.

2.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

2.4 Về phẩm chất đạo đức

2.4.1 Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê sáng tạo, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hoá ..;

- Có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh, thích đương đầu với thử thách và khát vọng trở thành doanh nhân, nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp;

- Có thái độ cầu thị trong lao động và học tập, có ý thức tiếp thu.

2.4.2 Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Mạo hiểm và quyết đoán trong kinh doanh;

- Có khả năng làm việc dưới áp lực cao và môi trường biến động;

- Luôn giữ chữ tín và cam kết, tuân thủ nội quy, quy định của doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

2.4.3 Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần trách nhiệm, tinh thần kỷ luật cao;

- Có lối sống tích cực, có tinh thần hướng về cộng đồng.

Phụ lục 4: Ma trận chuẩn đầu ra chương trình cử nhân ngành Quản lý

2.5 Những vị trí công tác sinh viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Quản lý theo chuẩn Hoa Kỳ có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, hoặc hướng tới những vị trí làm việc trong hầu hết các doanh nghiệp, tập đoàn thuộc mọi lĩnh vực trong nước

và quốc tế, các tổ chức nghiên cứu và quản lý, các tổ chức xã hội và phi chính phủ, cụ thể:

- Nhóm 1 – Chuyên viên quản trị, hoạch định chiến lược: có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và các tổ chức khác, có thể đảm nhận các công việc như bán hàng, marketing, tài chính, nhân sự ..., triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án và giám đốc doanh nghiệp;

- Nhóm 2 – Chuyên viên phân tích và tư vấn quản lý: có khả năng làm việc tại các công ty và tổ chức tư vấn quản trị doanh nghiệp, các Bộ và Sở, Ban, Ngành liên quan, có thể đảm nhận các công việc, trợ lý phân tích và lập báo cáo về thị trường kinh doanh, trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh, kế hoạch nhân sự, sản xuất ... của doanh nghiệp, triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo doanh nghiệp và tổ chức;

- Nhóm 3 – Nghiên cứu viên và giảng viên: có khả năng nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu, có thể đảm nhận công việc, tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến khoa học quản lý, trợ lý giảng dạy, giảng viên dạy các học phần về quản trị nguồn nhân lực, marketing, chiến lược, tài chính ... triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp, nhà quản lý trong lĩnh vực khoa học quản lý.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tổng số tín chỉ: 135 tín chỉ (không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung (không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh): 11 tín chỉ
- Khối kiến thức theo lĩnh vực: 36 tín chỉ (bắt buộc, không có tự chọn)
- Khối kiến thức theo khối ngành: 21 tín chỉ (bắt buộc, không có tự chọn)
- Khối kiến thức theo nhóm ngành: 24 tín chỉ (bắt buộc, không có tự chọn)
- Khối kiến thức ngành: 43 tín chỉ
 - ✓ Bắt buộc: 18 tín chỉ
 - ✓ Tự chọn: 15/33 tín chỉ
 - ✓ Thực tập: 4 tín chỉ
 - ✓ Học phần thay thế khóa luận: 6 tín chỉ

TT No	Mã VNU Course code	Mã Keuka Course code	Học phần Subject name	Số tín chỉ Credits	Học phần tiên quyết Pre-requisite module	Ghi chú Note
I	Khối kiến thức chung / General Knowledge (Không tính các học phần từ 6-7)/ (Subjects 6-7 are not included)			11		
1	PHI1006		Triết học Mác-Lênin Marxist-Leninist Philosophy	3		
2	PEC1008		Kinh tế chính trị Mác-Lênin Marxist-Leninist Political Economy	2	PHI1006	
3	POL1001		Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2		
4	PHI1002		Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	2		
5	HIS1001		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam Revolutionary guidelines of Vietnam communist Party	2		
6	PES1001		Giáo dục thể chất Physical Education	4		

TT No	Mã VNU Course code	Mã Keuka Course code	Học phần Subject name	Số tín chỉ Credits	Học phần tiên quyết Pre-requisite module	Ghi chú Note
7	CME1001		Giáo dục quốc phòng-an ninh National Defence Education	8		
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực Field-Based Knowledge			36		
II.1	Toán và Khoa học tự nhiên Maths and Natural Science			10		
8	INS1192	MAT102	Đại số College Algebra	3		
9	INS1039	CMP120	Nhập môn hệ thống máy tính Introduction to Information System	3		
10	INS1038	PHY201	Vật lý đại cương Introduction to Physics	4		
II.2	Khoa học xã hội và nhân văn Social Sciences and Humanities			26		
11	INS1018		Định hướng học tập và nghề nghiệp Career and University Orientation	2		
12	INS1040	ENG110	Tiếng Anh Đại học I College English I	3		
13	INS1041	ENG112	Tiếng Anh Đại học II College English II	3	ENG110	
14	INS1036	PSY101	Tâm lý học đại cương Introduction to Psychology	3		
15	INS1021	POL140	Chính trị thế giới World Politics	3		
16	INS1022	HIS114	Nền văn minh phương Tây Western Civilization	3		
17	INS1023	ENG215	Văn học môi trường Environmental Literature	3		
18	INS1037	SOC101	Xã hội học đại cương Introduction to Sociology	3		
19	INS1026	ART201	Lịch sử nghệ thuật phương Tây History of Western Art	3		

TT No	Mã VNU Course code	Mã Keuka Course code	Học phần Subject name	Số tín chỉ Credits	Học phần tiên quyết Pre-requisite module	Ghi chú Note
III	Khối kiến thức theo khối ngành Area-Based Knowledge			21		
20	INS1027	PHL115	Đạo đức Ethics	3		
21	INS1028	COM122	Nhập môn giao tiếp Introduction to Communication	3		
22	INS1054	SS231	Thống kê cho khoa học xã hội Statistics for Social Sciences	3	MAT102	
23	INS1025	COM123 *	Diễn thuyết Public Speaking	3		
24	INS1055	BUS202 *	Môi trường pháp lý cho doanh nghiệp Legal Environment of Business	3		
25	INE1050	ECO211	Kinh tế vi mô Microeconomics	3		
26	INE1051	ECO210	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	3	ECO211	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành Discipline-Based Knowledge			24		
27	INS2003	MKT220 *	Nguyên lý Marketing Principles of Marketing	3		
28	INS3142	BUS101 *	Nhập môn kinh doanh và xã hội Introduction to Business and Society	3		
29	INS3097	ACC101	Kế toán I: Kế toán tài chính Accounting I: Financial Accounting	3		
30	INS2038	BUS350 *	Kinh doanh quốc tế International Business	3	ACC101, BUS101, ECO210, ECO211 MKT220	

TT No	Mã VNU Course code	Mã Keuka Course code	Học phần Subject name	Số tín chỉ Credits	Học phần tiên quyết Pre-requisite module	Ghi chú Note
31	INS2007	FIN312	Quản trị tài chính Financial Management	3	ACC102 (Kế toán quản trị)	
32	INS3121	KC301J*	Lãnh đạo Leadership	3	ENG110 ENG112 Junior or Senior Class	
33	INS3009	BUS410	Khởi nghiệp Entrepreneurship	3		
34	INS3122	CMP335	Thiết kế trang web Webpage Design	3	CMP120	
V	Khởi kiến thức ngành Specialized Knowledge			43		
V.I	Các học phần bắt buộc Compulsory subjects			18		
35	INS3123	MIS301*	Hệ thống và công nghệ thông tin doanh nghiệp Enterprise Information Systems and Technology	3		
36	INS3129	ACC102	Kế toán II: Kế toán quản trị Accounting II: Managerial Accounting	3	ACC101 Kế toán I: Kế toán tài chính	
37	INS3124	HRM208	Quản trị nguồn nhân lực Human Resources Management	3	BUS101	
38	INS3126	FIN315	Quản trị tài chính quốc tế International Financial Management	3	ACC102 FIN312	
39	INS3091	BUS330*	Quản trị vận hành và sản xuất Operations Production Management	3	BUS101 SS231 MAT102	

TT No	Mã VNU Course code	Mã Keuka Course code	Học phần Subject name	Số tín chỉ Credits	Học phần tiên quyết Pre-requisite module	Ghi chú Note
40	INS3092	MGT353	Quan hệ chính phủ và doanh nghiệp Business and Government Relations	3	ECO210 ECO211 BUS101	
V.II	<i>Các học phần tự chọn/Elective subjects (Choose 5/11 subjects of the followings: Chọn 5/11 học phần tự chọn dưới đây)</i>			15/33		
41	INS3039	MKT335	Marketing trực tuyến Internet Marketing	3	MKT220	
42	INS3095	MKT370	Hành vi người tiêu dùng Consumer Behavior	3	MKT220	
43	INS3096	MKT440	Quản lý và phân phối Marketing Marketing Management and Distribution	3	MKT220	
44	INS3094	MKT310	Lập kế hoạch marketing Marketing Planning	3	MKT220	
45	INS3093	MKT331	Quảng cáo Advertising	3	MKT220	
46	INS3042	MKT340	Marketing quốc tế International Marketing	3	MKT220	
47	BSA3014	BSA3014	Marketing dịch vụ Service Marketing	3		
48	INS3098	MGT351	Quản trị doanh nghiệp nhỏ Small Business Management	3		
49	INS3104	MKT320	Quan hệ công chúng Public Relations	3		
50	INS3101	ACC301	Kế toán chi phí I Cost Accounting I	3	ACC102	
51	INS3099	ACC411	Kế toán thuế thu nhập I Income Tax Accounting I	3		
V.III	<i>Thực tập và tốt nghiệp Internship and Graduation</i>			10		

TT No	Mã VNU Course code	Mã Keuka Course code	Học phần Subject name	Số tín chỉ Credits	Học phần tiên quyết Pre-requisite module	Ghi chú Note
	Thực tập/Internship					
52	INS4025	BUS290	Thực tập thực tế tại doanh nghiệp Internship	4		
	Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp Alternative subjects for Dissertation					
53	INS4027	BUS444 *	Quản trị chiến lược Strategic Management	3		
54	INS4026	FP401*	Học phần trải nghiệm Experiential Learning	3		
	Tổng số Total credits			135		